

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-ST

Ngày: 16-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tình;

2. Ông Sơn Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Kim Hua - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Lê Văn Lên, sinh năm 1993 tại huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: lớp 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn B (chết) và bà Thạch Thị D, sinh năm 1965; Vợ: Trương Thị Chúc P, sinh năm 1993; Tiền sự: không; Tiền án: 01 (một) tiền án. Ngày 08/11/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, đến ngày 14/8/2014 thì chấp hành xong hình phạt tù; riêng phần án phí dân sự, tiền truy thu nộp Ngân sách Nhà nước và tiền bồi thường trách nhiệm dân sự bị cáo chưa thi hành xong. Ngày 27/8/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố bị can, bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 27/8/2018 chuyển sang tạm giam cho đến nay.

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Trương Thị Chúc P, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện K, tỉnh S.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
2. Anh Trần Việt N, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
3. Anh Võ Thanh H, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp An Hòa, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.
4. Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C tỉnh Trà Vinh.
5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
6. Anh Trịnh Văn B, sinh năm 1951. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
7. Chị La Thị P, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
8. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
9. Chị Trịnh Thị X, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện K, tỉnh S.
10. Chị Thạch Thị D, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/8/2018 Lê Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu trắng, biển số 84B1 - 496.56 chở vợ tên Trương Thị Chúc P, đi từ thành phố Hồ Chí Minh về nhà bà Trịnh Thị X ở ấp P, xã N, huyện K, tỉnh T (mẹ vợ của bị cáo) chơi. Đến khoảng 13 giờ ngày 21/8/2018, L chở chị P đi đến nhà ông Nguyễn Văn T ở ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh chơi (ông T là bà con bên vợ của L). Sau đó, bị cáo L một mình điều khiển xe mô tô trên qua phà Bến Cát để đi về nhà mẹ ruột tại ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh còn chị P thì ở lại nhà ông T chơi. Khi bị cáo điều khiển xe đến đoạn đường thuộc ấp B, xã H, huyện C thì phát hiện phía trước bên phải theo hướng đi cách xe bị cáo đang điều khiển khoảng 10 mét là bà Nguyễn Thị T đang đứng trong lề đường và bị cáo nhìn thấy trên cổ bà T có đeo sợi dây chuyền vàng. Lúc này, bị cáo L nảy sinh ý định sẽ giật sợi dây chuyền vàng của bà T để bán lấy tiền chi tiêu xài. Để thực hiện ý định của mình, bị cáo điều khiển xe mô tô chạy vượt qua khỏi vị trí bà T đang đứng một đoạn khoảng 37 mét thì bị cáo dừng xe lại quan sát qua kính chiếu hậu xe thì thấy bà T vẫn đứng ở vị trí ban đầu. Thấy vậy, bị cáo quay đầu xe lại và chạy đến vị trí bà T đang đứng để thực hiện hành vi cướp giật, nhưng cùng lúc đó có người đi đến gần bà T nên bị cáo không thực hiện hành vi của mình. Sau đó, bị cáo điều khiển xe chạy qua vị trí bà T một đoạn khoảng 50

mét thì bị cáo quay đầu xe trở lại vị trí ban đầu rồi bị cáo ngồi trên xe đợi và quan sát qua kính chiếu hậu xe khoảng 20 phút thì thấy chỉ còn một mình bà T đang đứng. Thấy vậy, bị cáo L liền điều khiển xe mô tô quay lại chạy đến tiếp cận đối diện với bà T; khi còn cách bà T khoảng 01m bị cáo liền dùng tay trái của mình giật sợi dây chuyền vàng mà bà T đang đeo trên cổ nhưng do thực hiện hành vi nhanh nên bị cáo giật không trúng sợi dây chuyền mà trúng vào dây vai áo làm rách dây vai áo và trúng vào vùng trên mặt trong cánh tay trái của bà T gây thương tích. Sau khi bị giật sợi dây chuyền thì bà T truy hô, còn bị cáo L liền tăng ga điều khiển xe mô tô bỏ chạy về hướng xã P để tẩu thoát. Trên đường truy đuổi đến khu vực bên phà thuộc ấp A, xã P, huyện C thì bắt được bị cáo.

Quá trình làm việc bị cáo Lê Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành kiểm tra chất lượng và trọng lượng sợi dây chuyền mà bị cáo cướp giật của bà T là vàng 15K, trọng lượng 1,156 lượng. Ngày 23/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C có Bản kết luận định giá số: 17/BKL-HĐĐG xác định tài sản trên tại thời điểm bị thiệt hại vào ngày 21/8/2018 có giá trị thành tiền là 27.744.000 đồng.

Xét thấy hành vi của Lê Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã quyết định tạm giữ đối với bị cáo Lê Văn L từ ngày 21/8/2018 đến ngày 27/8/2018 ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với bị can Lê Văn L cho đến nay.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T, sau khi nhận lại được tài sản là sợi dây chuyền vàng 15K, trọng lượng 1,156 lượng không yêu cầu bị cáo Lê Văn L bồi thường các khoản gì khác.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKS-HS ngày 24/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Lê Văn L về tội: “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng thể hiện là đúng, bị cáo không bổ sung hay khiếu nại về nội dung Cáo trạng.

Bị hại bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo Lê Văn L bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Chúc P có yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô hiệu HONDA loại Vision màu trắng, biển kiểm soát 84B1 - 496.56, đây là tài sản chung của vợ chồng chị, chị không biết được việc bị cáo L dùng chiếc xe trên để đi cướp giật tài sản của người khác.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã

truy tố và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm h, n khoản 1 Điều 52 và các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 04 đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2018 .

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm nên không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ Luật Hình sự và Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự: Tuyên trả lại cho vợ bị cáo là chị Trương Thị Chúc P 01 (một) xe mô tô hiệu HONDA loại Vision màu trắng, biển kiểm soát 84B1 - 496.56; Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen; 01 (một) áo thun, loại áo dây kiểu nữ bông màu vàng - đen, cổ rộng, phần dây áo phía bên trái bị rách; 01 (một) áo thun, loại áo nam dài tay màu xanh, thân áo màu tím - trắng - đỏ, mặt sau có in số “9”, phía trên có in chữ “TÊN GI KÊ TUI”, phía dưới có in chữ “FC*ĐÁ CHO CỎ*”, mặt trước áo có in chữ “Fly Emirates”.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Văn L nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình tố tụng Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét hành vi của bị cáo Lê Văn L: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn L thừa nhận vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 21/8/2018 tại tuyến đường tỉnh lộ 915 đoạn thuộc ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo đã có hành vi cướp giật tài sản là 01 sợi dây chuyền vàng 15k, trọng lượng 1,156 lượng của bà Nguyễn Thị T nhưng không đạt được mục đích thì bị bắt quả tang. Bị cáo thống nhất với Bản kết luận định giá tài sản và nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất ổn định trật tự tại địa phương nơi bị cáo gây án. Bản thân bị cáo biết rất rõ hành vi dùng phương tiện là xe máy thực hiện việc cướp giật tài sản là hành vi vô cùng nguy hiểm vì có thể gây hại đến tính mạng sức khỏe của người bị hại và cho chính bản thân của mình do hành vi cướp giật tài sản gây ra nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu sài cá nhân, thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo.

Tuy việc phạm tội của bị cáo chưa đạt nhưng về tính nguy hiểm là đáng kể bởi hành vi mà bị cáo thực hiện là do lỗi cố ý tuy chưa gây thiệt hại gì nhưng bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Bản thân bị cáo có 01 tiền án, ngày 08/11/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” đến nay chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này là tái phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc, cần phải cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian mới đủ điều kiện để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định mức hình phạt thì cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đó là: bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thì bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Về nhân thân, thành phần gia đình của bị cáo có ông nội và cha ruột là những người có công với cách mạng được Nhà nước công nhận là thương binh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét áp dụng đối với bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với sợi dây chuyền vàng 15K, trọng lượng 1,156 lượng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành trao trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị T đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu HONDA loại Vision màu trắng, biển kiểm soát 84B1 - 496.56 là phương tiện bị cáo dùng để phạm tội nhưng đây là tài sản chung của bị cáo và vợ bị cáo là chị Trương Thị Chúc P, chị P không biết được bị cáo L sử dụng chiếc xe máy trên để làm phương tiện đi cướp giật tài sản của người khác nên trao trả lại chiếc xe máy trên cho bị cáo Lê Văn L và vợ là Trương Thị Chúc P.

Đối với 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen; 01 (một) áo thun, loại áo dây kiểu nữ bông màu vàng - đen, cổ rộng, phần dây áo phía bên trái bị rách; 01 (một) áo thun, loại áo nam dài tay màu xanh, thân áo màu tím - trắng - đỏ, mặt sau có in số “9”, phía trên có in chữ “TÊN GÌ KỆ TUI”, phía dưới có in chữ “FC*ĐÁ CHO CỐ*”, mặt trước áo có in chữ “Fly Emirates”. Xét thấy những đồ vật trên hiện không còn giá trị sử dụng nên căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận. Riêng đối với tình tiết tăng nặng theo điểm n Điều 52 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị thì xét thấy khi thực hiện hành vi phạm tội thì chỉ có bị cáo và người bị hại mà người bị hại đang đứng bên lề lộ cho nên độ nguy hiểm của hành vi này là không có khả năng gây nguy hại cho nhiều người, nên không áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo.

[8] Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; Điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật Hình sự và Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự:

Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Văn L và vợ là Trương Thị Chúc P: 01 (một) xe mô tô hiệu HONDA loại Vision màu trắng, biển kiểm soát 84B1 - 496.56.

Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen; 01 (một) áo thun, loại áo dây kiểu nữ bông màu vàng - đen, cổ rộng, phần dây áo phía bên trái bị rách; 01 (một) áo thun, loại áo nam dài tay màu xanh, thân áo màu tím - trắng - đỏ, mặt sau có in số “9”, phía trên có in chữ “TÊN GÌ KỆ TUI”, phía dưới có in chữ “FC*ĐÁ CHO CỐ*”, mặt trước áo có in chữ “Fly Emirates”.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn L nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chí Công

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Tình Sơn Hương

Trần Văn Chí Công

